TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Văn Hòa.

Ông Tạ Dương Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bành Thị H, sinh ngày 26/4/2002. Nơi cư trú: Ấp L, xã Đ, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên hệ: Ấp T (ấp T 2 cũ), xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Căn cước công dân số 093302000956.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung T, sinh ngày 03/02/1996. Nơi cư trú: Ấp T (ấp K cũ), xã H, thành phố Cần Thơ. Hiện đang chấp hành án tại: Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C; địa chỉ ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Căn cước công dân số 094096010554.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 4 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Bành Thị H trình bày:

Nguyên trước đây, vào năm 2024 chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T quen nhau có làm lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15 tháng 01 năm 2025 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành Phố Cần Thơ). Chị H và anh T chung sống không có con chung.

Thời gian đầu, Chị H và anh T chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng tháng 5 năm 2025 thì anh T bị Công an thành phố C bắt tạm giam và bị tuyên án phạt 14 năm tù. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C; địa chỉ ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống thường xuyên cãi vã, vì khi quen nhau, chị H không biết anh T nghiện ngập. Khi cưới về thì chị H mới phát hiện anh T nghiện ma tuý. Chị H có nhiều lần ngăn cản nhưng không được, chị H và anh T không còn tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Bành Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bành Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai các ngày 21/5/2026 và 29/7/2026, bị đơn anh Nguyễn Trung T trình bày:

Về hôn nhân, thời gian cưới, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian không còn sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như nguyên đơn trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng nhỏ nhặt, anh T còn rất thương vợ nên không muốn ly hôn.

Trước yêu cầu khởi kiện của chị H, anh T có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung T không đồng ý ly hôn với chị Bành Thị H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do không còn tiếng nói chung, không còn sống chung với nhau do anh Nguyễn Trung T đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố

C, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T trình bày là không có nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Bành Thị H có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Bành Thị H khởi kiện thì anh Nguyễn Trung T; cư trú tại ấp T (ấp K cũ), xã H, thành phố Cần Thơ và hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C; địa chỉ ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ. Chị Bành Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung T. Chị Bành Thị H đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị Bành Thị H nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị Bành Thị H đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý đơn khởi kiện của chị Bành Thị H là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh T vắng mặt và anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trung T.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bành Thị H, sinh ngày 26/4/2002 và anh Nguyễn Trung T, sinh ngày 03/02/1996, tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2025, ngày 15 tháng 01 năm 2025 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Bành Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T hạnh phúc được một thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Hiện nay chị H và anh T không còn sống chung với nhau do anh Nguyễn Trung T đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C, chị H không còn tình cảm với anh T và đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh T trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[5] Về con chung: Chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T thống nhất anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Bành Thị H là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị Bành Thị H phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T ly hôn.

2. Về con chung: Chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T thống nhất anh, chị không có con chung nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bành Thị H và anh Nguyễn Trung T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Bành Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006789 ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, chị Bành Thị H đã nộp xong án phí.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- UBND xã H, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn